

Bản án số: **25/2022/HNST**  
Ngày: 10/5/2022  
Về việc "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Thuở.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Dương Thị Thanh Thúy

2. Bà Phạm Thị Kim Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Cẩm Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Thị Phương Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1980 .

Địa chỉ: 207A5, khu phố 3, phường P, thành phố B, tỉnh B

*Bị đơn:* Ông Lư Võ Q, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 207A5, khu phố 3, phường Phú T, thành phố B, tỉnh B

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thành Q1, sinh năm 1969, địa chỉ 217B, khu phố 2, phường 7, thành phố B

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Q1:* Ông Trương Văn Tr, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Mỹ A, xã M, thành phố B, tỉnh B

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:*

Năm 2010 bà và ông Lư Võ Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tân, thành phố Bến Tre. Trong thời gian chung sống thời gian đầu sống chung rất hạnh phúc nhưng về sau những mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng ngày càng phát sinh do bất đồng T điểm sống. Mặc dù, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Trong quá trình chung sống bà T ông Q có 02 con chung tên Lư Minh Đ, sinh ngày 09/6/2012 và Lư

Minh Q2, sinh ngày 18/11/2015. Về tài sản chung và nợ chung không có. Bà yêu cầu ly hôn với ông Q, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có.

*Tại bản tự khai bị đơn ông Lư Võ Q trình bày như sau:* Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Hồng T, đồng ý để bà T nuôi con Lư Minh Đ, sinh năm 2012 và Lư Minh Q2 sinh năm 2015. Về tài sản chung và nợ chung không có. Đối với khoản nợ của ông Nguyễn Thành Q1 là khoản vay của cá nhân ông không liên quan gì đến bà T. Hiện tại ông còn nợ ông Q1 số tiền 80 triệu đồng, ông đồng ý trả số tiền này nhưng xin trả nhiều lần. Do ông đi làm ăn xa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Tại bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Thành Q1) là ông Trương Văn Tr trình bày:*

Ngày 03/11/2020 ông Q1 có cho vợ chồng ông T mượn số tiền 150.000.000 đồng để làm ăn, thời gian mượn là 02 tháng, khi mượn có làm biên nhận. Đến hạn vợ chồng ông Q không trả tiền cho ông Q1, mặc dù ông Q1 đã nhiều lần yêu cầu. Ông Q1 có yêu cầu ông Q bà T trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 03/01/2021 đến ngày xét xử. Nay ông Q1 xin rút đơn khởi kiện vì các bên đã thương lượng trả tiền ngoài Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu T điểm:*

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đến Tòa án là không chấp hành theo quy định của pháp luật.

-Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Hồng T đối với ông Lư Võ Q, giao con chung cho bà T nuôi, ghi nhận việc bà T không có yêu cầu ông Q cấp dưỡng; về tài sản chung, nợ chung bà T ông Q đều khai không có nên không xem xét giải quyết. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Q1 đối với ông Lư Võ Q bà Trần Thị Hồng T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Hồng T có yêu cầu ly hôn với ông Lư Võ Q, ông Q có nơi cư trú tại phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên đây là vụ án ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

- Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc,

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Q, ông Q đồng ý ly hôn với bà T nên công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T ông Q.

- Về con chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q có 02 con chung tên Lư Minh Đ, sinh ngày 09/6/2012 và Lư Minh Q2, sinh ngày 18/11/2015, hiện bà T đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông Q cũng đồng ý theo yêu cầu của bà T nên chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T.

- Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị Hồng T không yêu cầu ông Lư Võ Q cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của bà là tự nguyện nên ghi nhận.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q khai ông bà không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q khai ông bà không có. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thành Q1 cho rằng ông Q bà T có vay của ông số tiền 150.000.000 đồng, ông yêu cầu ông Q bà T trả số tiền này và lãi phát sinh nhưng trong quá trình giải quyết các bên đã tự thỏa thuận nên ông Q1 xin rút yêu cầu khởi kiện, xét yêu cầu của ông Q1 là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Q1 theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Theo quy định của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí, vì vậy bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Hồng T trực tiếp nuôi 02 cháu Lư Minh Đ, sinh ngày 09/6/2012 và Lư Minh Q2, sinh ngày 18/11/2015. Ghi nhận việc bà Trần Thị Hồng T không yêu cầu ông Lư Võ Q cấp dưỡng.

Ông Lư Võ Q được quyền thăm nom con không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên bà T ông Q có quyền xin thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Hồng T và ông Lư Võ Q khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành Q1 về việc yêu cầu ông Lư Võ Q bà Trần Thị Hồng T trả số tiền vốn và lãi là 162.450.000 đồng.

5. Về án phí:

- Bà Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002633 ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre (Bà T đã nộp đủ án phí).

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thành Q1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.061.000 (Bốn triệu không trăm sáu một nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002617 ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre
- VKSND Tp. Bến Tre
- Chi cục THA DS Tp. Bến Tre
- UBND phường Phú Tân
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

***Nguyễn Thanh Thuở***